

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST  
Ngày 03 - 02 - 2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bấy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Quy;

Bà Hoàng Thị Tuyên.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Lộc Nam Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2020/TLST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/HSST-QĐ ngày 26/01/2021, của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo:

Hoàng Ngọc A, sinh năm 1995, tại huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 10/12; con ông Hoàng Mạnh C (đã chết) và bà Hoàng Thu H; có chồng là Quán Minh D và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/6/2020 đến nay, có mặt.

**- Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Ngọc A:** Bà Lương Thị H – Luật sư – Văn phòng Luật sư Kim Mai, địa chỉ: Số 11, đường cao Thắng, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, có mặt.

*- Bị hại*

1. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1994, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

2. Chị Nông Thị N, sinh năm 1994, có mặt;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại chị Hoàng Thị T và Nông Thị N: Bà Hoàng Thị N - Luật sư - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.*

*3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.*

1. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1976, có mặt;

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

2. Anh Mai Hiếu N1, sinh năm 1994, vắng mặt.

Địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

3. Anh Hà Văn G, sinh 1988, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

4. Chị Vũ Thị H1, sinh 2000, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Lưu Duy M, sinh năm 1992, có mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

6. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989, vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

7. Chị Nông Thị D, sinh năm 1990, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

8. Anh Hứa Trung K, sinh năm 1995, vắng mặt.

Địa chỉ: Hàng T, thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

9. Anh Nông Văn P, sinh năm 1993, có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

10. Chị Phùng Thị T2, sinh năm 1993, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

11. Chị Chu Thị K1, sinh năm 1998, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

12. Anh Đinh Tiên H2, sinh năm 1993, vắng mặt.

Địa chỉ: P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3/2020 Hoàng Ngọc A đã lợi dụng mối quan hệ quen biết với Nông Thị N và Hoàng Thị T là người ở tỉnh khác để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể: Thông qua mạng xã hội Facebook Hoàng Ngọc A biết được Nông Thị N có nhu cầu mua giun đất xấy khô bán sang Trung Quốc nên Hoàng Ngọc A đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản (tiền) của N và T với thủ đoạn đưa ra thông tin là Ngọc A có mối mua giun với giá rẻ hơn thị trường để các bị hại tin tưởng thực hiện việc giao dịch mua bán và chuyển tiền cho bị cáo và trên thực tế bị cáo không thực hiện việc mua giun xấy khô với ai. Sau khi nhận tiền, bị cáo tiếp tục đưa ra những thông tin là lấy 500kg để đủ chuyển xe và số lượng ít quá xe không đủ chuyển chuyển lên và yêu cầu chuyển tiền nhiều lần qua các tài khoản khác nhau của người khác trong khi đó bị cáo cũng có tài khoản nhưng không thực hiện giao dịch để nhằm chiếm đoạt số tiền 102.000.000đ (trong đó lừa đảo chiếm đoạt của Nông Thị N 67.000.000đ và của Hoàng Thị T 35.000.000đ).

Đối với số tiền của Nông Thị N, Hoàng Ngọc A chiếm đoạt như sau:

Lần đầu: Ngày 23/4/2020 bị cáo Hoàng Ngọc A yêu cầu Nông Thị N chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào số tài khoản mang tên Đinh Tiên H2 và nói số tài khoản này là của chủ hàng (giun), còn số tài khoản của Hoàng Ngọc A đang bị lỗi không chuyển vào được, nên N đã tin tưởng chuyển 10.000.000 đồng (từ số tài khoản 601012375070 của N qua ứng dụng Vietelpay đến tài khoản nhận có số 105006071732 của Đinh Tiên H2) và N tiếp tục nhờ Lưu Duy M chuyển hộ 20.000.000 đồng (từ số tài khoản 39010001066983 đến số tài khoản của Đinh Tiên H2) cho N để mua 100Kg giun sấy khô giá 430.000đ/1kg với Hoàng Ngọc A. Có tiền, Hoàng Ngọc A bảo Hoàng chuyển sang cho Phùng Thị T2 hai lần, lần đầu là 10.000.000 đồng, lần hai ngày 24/4/2020 là 16.000.000 đồng và Hoàng Ngọc A đã đến trực tiếp chỗ Phùng Thị T2 lấy tiền mặt; H2 rút tiền mặt trả Hoàng Ngọc A 4.000.000 đồng;

Lần thứ hai: Ngày 27/4/2020, do gửi tiền đặt cọc nhưng không có hàng chuyển lên, Hoàng Ngọc A nêu lý do lấy ít không đáng chuyển xe lên và yêu cầu N chuyển tiền tiếp 20.000.000 đồng vào số tài khoản mang tên Chu Thị K; Nông Thị N nhờ Nông Văn P chuyển tiền, nhưng P không có tiền nên P nhờ Nguyễn Văn T1 chuyển hộ 20.000.000 đồng đến số tài khoản 35110000598318 của Chu Thị K. Ngay sau khi nhận được tiền, Chu Thị K đã chuyển toàn bộ số tiền trên đến số tài khoản 229704070002541 của Hoàng Ngọc A.

Lần thứ ba: Ngày 01/5/2020 Hoàng Ngọc A tiếp tục gọi điện thoại, yêu cầu Nông Thị N chuyển thêm 17.000.000 đồng, bằng thủ đoạn nói dối “*Lấy đủ 500kg giun đất xấy khô, ít quá xe không chở, đồng thời hứa hẹn chở hàng lên*

ngay cho N". Do không còn tiền, Nông Thị N đã nhờ bạn tên Hứa Trung K (tức Lê Thị Huyền D), chuyển hộ 10.000.000 đồng và nhờ Vũ Thị H1 chuyển hộ 7.000.000 đồng đến số tài khoản của Chu Thị K và số tiền này, Ngay sau đó đã được Chu Thị K1 đã chuyển vào số tài khoản của Hoàng Ngọc A.

Đối với số tiền của của Hoàng Thị T: Do không có tiền chuyển tiếp cho Hoàng Ngọc A, nên Nông Thị N đã rủ Hoàng Thị T cùng chung làm và chuyển tiền với tổng số 35.000.000 đồng cho Hoàng Ngọc A, cụ thể như sau:

Ngày 07/5/2020 bị cáo Hoàng Ngọc A tiếp tục gọi điện thoại, yêu cầu Nông Thị N chuyển thêm 30.000.000 đồng thì mới đủ tiền mua hàng, nếu không sẽ mất số tiền đã đặt cọc trước đó. Do sợ mất tiền và do không còn tiền nên Nông Thị N rủ Hoàng Thị T cùng góp tiền để lấy hàng thì T đã đồng ý. Ngày 07/5/2020 N, T và P đến quán Trà Chanh tại Khu 1 thị trấn T, huyện Trảng Định trực tiếp gặp Hoàng Ngọc A nói chuyện, tại đây Hoàng Ngọc A nói và hứa hẹn sau khi N chuyển thêm 30.000.000 đồng sẽ có hàng ngay, đồng thời cung cấp số tài khoản của Phùng Thị T2 cho Hoàng Thị T và nói dối số tài khoản này là của chủ hàng (giun), còn số tài khoản của Hoàng Ngọc A đang bị lỗi "*Không nhận và không chuyển tiền được*", nên T đã lấy điện thoại ra và thực hiện việc chuyển 30.000.000 đồng thông qua dịch vụ ViettelPay (từ số tài khoản 97042292611963388 đến số tài khoản của Phùng Thị T2) theo yêu cầu và Hoàng Ngọc A trực tiếp lấy tiền từ Phùng Thị T2; đến ngày 10/5/2020 bị cáo Hoàng Ngọc A tiếp tục gọi điện thoại, yêu cầu Nông Thị N chuyển thêm 5.000.000 đồng, và nói dối là tiền thuê xe chở hàng lên Cao Bằng và yêu cầu chuyển tiền trực tiếp vào số tài khoản 229704070002541 của Hoàng Ngọc A, và T đã chuyển 5.000.000 đồng đến số tài khoản của Hoàng Ngọc A.

Đến ngày 11/5/2020, Hoàng Ngọc A lại gọi điện qua ứng dụng Wachat cho N (nói là không có hàng và sẽ trả lại tiền) đồng thời hẹn N và T đến huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng để lấy tiền, nhưng sau đó Hoàng Ngọc A lại bảo đến xã Q, huyện T gặp chủ hàng tên (N1) hay gọi là (M) người ở xã Q, huyện T để lấy tiền nhưng không có ai là chủ hàng và bị cáo nói dối sau đó bỏ đi trước và gọi taxi cho T và N về. Ra đến thị trấn T, N và T đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu Hoàng Ngọc A trả tiền, sau đó Hoàng Ngọc A bảo N cung cấp số tài khoản để chuyển tiền thì N đã cung cấp số tài khoản 8305205051078 của chị gái ruột tên là Nông Thị Duyên cho Hoàng Ngọc A. Để tạo lòng tin và che giấu hành vi lừa đảo của mình, khoảng 16 giờ cùng ngày 11/5/2020 bị cáo Hoàng Ngọc A đã chụp ảnh số tài khoản của người khác trên màn hình điện thoại, sau đó chỉnh sửa các thông tin số tài khoản này thành số tài khoản 0351001060982 mang tên Mai Hữu Nghĩa với nội dung chỉnh sửa giao dịch chuyển tiền thành công (giao dịch ảo) rồi gửi ảnh cho N và T xem, nhằm mục đích để N và T tin tưởng là đã chuyển số tiền 65.000.000 đồng đến tài khoản của D. Nhưng do không phải giao dịch thật nên đến ngày 12/5/2020, chị Nông Thị D trực tiếp ra Ngân hàng kiểm tra, nhưng vẫn không thấy có giao dịch nào chuyển tiền vào tài khoản nên đã trình báo Cơ quan Công an để giải quyết.

Cáo trạng số 63/CT-VKSTĐ ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Ngọc A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố, trước đây tại cơ quan điều tra do không hiểu và chưa nhận thức được rõ hành vi nên khai báo chưa thành khẩn, nay bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng, thừa nhận đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa chiếm đoạt số tiền như Cáo trạng đã nêu, chỉ có một phần số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã trả cho anh T2 thay cho người bị hại Nông Thị N. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị hại Nông Thị N, Hoàng Thị T đều thừa nhận Cáo trạng nêu đúng nội dung sự việc. Về số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã trả cho anh T2 thay bị hại là đúng, nên bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 92.000.000 đồng. Sau khi bị cáo bồi thường số tiền 65.000.000 đồng tại phiên tòa và 15.000.000 đồng đã khắc phục nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Trảng Định thì cả hai bị hại đều nhất trí và chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tổng là 80.000.000 đồng và ghi nhận tại phiên tòa bị cáo, người liên quan là mẹ bị cáo đã bồi thường xong các khoản tiền, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì thêm.

Những người liên quan trình bày: Chị Hoàng Thị H thừa nhận lời khai của bị cáo là đúng, qua tiếp xúc và bị cáo đã nhờ để khắc phục hậu quả cho người bị hại; anh Lưu Duy M, anh Nông Văn P, chị Phùng Thị T2, chị Chu Thị K1 và Đinh Tiên H2, đều thừa nhận lời khai của bị hại là đúng và số tiền đã chuyển cũng như đã nhận giúp bị cáo Hoàng Ngọc A đã chuyển và trả lại cho bị cáo. Số tiền cho bị hại vay để chuyển đã được bị hại trả lại.

Sau khi luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 174, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và tuyên bố bị cáo Hoàng Ngọc A phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại về số tiền phải bồi thường, bị cáo chỉ bồi thường cho người bị hại số tiền 80.000.000 đồng (trong đó có 10.000.000 đ bị cáo đã chuyển cho anh T2 trước đó được bị hại thừa nhận đã trả cho bị hại N). Xác nhận tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường xong nghĩa vụ đối với bị hại Nông Thị N 50.000.000 đồng và bị hại Hoàng Thị T 30.000.000 đồng (trong đó có 15.000.000 đồng nằm trong tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự huyện Trảng Định). Ngoài ra, đề nghị xử lý vật chứng tuyên tịch thu tài sản do bị cáo phạm tội mà có, trả cho bị cáo giấy tờ, thẻ ngân hàng là giấy tờ cá nhân, và trả cho bị cáo, người liên quan các thẻ ngân hàng. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định;

Phản tranh luận: Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Ngọc A trình bày: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã cố gắng khắc phục toàn bộ thiệt hại đã gây ra. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, dù trước đó không hiểu nên tại phiên tòa đã khai báo rõ ràng và thể hiện thái độ ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả gây ra và đề nghị áp dụng

Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử mức án dưới khung hình phạt, dưới mức đề nghị của Đại diện viện kiểm sát. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho các bị hại: Đề nghị Hội đồng xem xét tăng mức đề nghị hình phạt lên từ 3 đến 4 năm tù giam để bảo đảm sự giáo dục, răn đe bởi lẽ suốt quá trình điều tra bị cáo đã không thành khẩn khai báo, thể hiện rất quanh co, gây khó khăn cho cơ quan điều tra. Tại phiên tòa ghi nhận bị cáo đã bồi thường các khoản tiền cho người bị hại.

Bị cáo nhất trí lời bào chữa của luật sư tại phiên tòa và không bổ sung lời bào chữa của luật sư bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Ngoài ra, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng người đúng tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị hại Hoàng Thị T trình bày: Cơ bản nhất trí lời bào chữa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có con nhỏ và không có ý kiến tranh luận gì thêm. Bị hại Hoàng Thị N nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo còn có con nhỏ và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, họ đã có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 và Điều 308 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử.

[3] Về hành vi cấu thành tội phạm: Tại cơ quan điều tra, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 102.000.000 đồng của người bị hại. Tuy nhiên, số tiền này đã trả cho bị hại qua anh Nguyễn Văn T1 là 10.000.000 đồng. Lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai và sự thừa nhận của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hoàng

Ngọc A đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng quy định.

[4]. Xét tính chất, động cơ, mục đích, phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, thực hiện với lỗi cố ý, với động cơ mục đích chiếm đoạt của người khác một cách bất hợp pháp, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hành vi này cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Để có mức án thỏa đáng, xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng, ngoài tình tiết định khung bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào khác; về tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, ấn định mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, nhưng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về điều kiện kinh tế của bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6]. Đối với Đinh Tiên H2, Phùng Thị T2, Chu Thị K1 không có tư lợi trong việc cho bị cáo mượn tài khoản và không biết mục đích của bị cáo nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự. Đối với những người cho T, N vay tiền để chuyển cho Hoàng Ngọc A theo hồ sơ không có ai yêu cầu và đều xác minh tại phiên tòa không ai còn nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Cần tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước tài sản do bị cáo dùng vào việc phạm tội, trả lại tài sản không dùng vào việc phạm tội; vật chứng, giấy tờ và các thẻ ngân hàng khác không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, giữa bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận số tiền mà bị cáo phải hoàn trả cho bị hại là 80.000.000 đồng. Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho người bị hại 80.000.000 đồng. Do đó, cần xác nhận bị cáo đã khắc phục xong phần bồi thường dân sự.

[9]. Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt, xử lý vật chứng, phần bồi thường đối với bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10]. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, luật sư bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của người bị hại về việc giải quyết vụ án. Đối với ý kiến nào trái với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[11] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Ngọc A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc A 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Xử lý vật chứng:

- Trả cho bị cáo các tài liệu không liên quan đến vụ án: 36 (ba mươi sáu) tờ đơn đề nghị vay vốn của Công ty Fecredit; 32 (ba mươi hai) tờ khai thông tin dành cho khách hàng của Ngân hàng Việt Nam VPBank; 06 (sáu) tờ giấy yêu cầu bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng của G/C Bảo hiểm toàn cầu; 02 (hai) tờ đề nghị vay vốn của Homo Credit; 15 (mười lăm) bản phô tô chứng minh nhân dân; 01 (một) đơn đề nghị vay vốn không có tài sản bảo đảm của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam; 35 (ba mươi lăm) bản phô tô sổ hộ khẩu; 02 (hai) sim điện thoại;

- Trả cho bị cáo Hoàng Ngọc A: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 082260187 mang tên Hoàng Ngọc A; 01 (một) thẻ tài khoản Ngân hàng HDBank; 02 (một) thẻ tài khoản Ngân hàng BIDV chi nhánh Lạng Sơn và 01 (một) chi tiết giao dịch tài khoản kiêm báo nợ từ ngày 01/3/2020 đến 15/3/2020 của Ngân hàng HDBank đều mang tên Hoàng Ngọc A; trả cho bị cáo 01 điện thoại Iphone plus, vỏ máy màu Gold.

- Trả cho Quán Minh D: 01 (một) thẻ tài khoản Ngân hàng Lienviet Postbank mang tên Quán Minh D; 01 (một) chứng từ giao dịch ngày 08/11/2019 và 01 (một) giấy báo nợ quá hạn ngày 13/8/2019 của Ngân hàng Agribank chi nhánh Tràng Định, tên khách hàng Quán Minh D;

- Trả cho Chu Thị K1: 01 (một) phiếu yêu cầu dịch vụ ngày 08/6/2019 mang tên Chu Thị Kim; 02 (một) giấy nộp tiền ngày 18/3/2019 và 15/01/2019



của Ngân hàng Lienviet Potsbank chi nhánh Trảng Định; 01 (một) giấy nộp tiền ngày 21/6/2019 của Ngân hàng Agribank chi nhánh Gia Lâm - Hà Nội.

- Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ máy màu xám gắn thẻ sim (đã qua sử dụng) của Hoàng Ngọc A;

*(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/12/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định)*

3. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho các bị hại: chị Hoàng Thị N số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, chị Hoàng Thị T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, trong đó có 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, hiện đang được nằm trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định *(theo Giấy ủy nhiệm chi số 15 ngày 14/12/2020 giữa đơn vị trả tiền: Công an huyện Trảng Định và đơn vị nhận tiền: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định tỉnh Lạng Sơn)*.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua nhà tạm giữ CA huyện);
- Bị hại (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bẩy**